

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

Về việc: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Phan Minh Trâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Thật.

Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - là Thư ký Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 399/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp LQ xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Phan Văn B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp LQ xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh B thường xuyên nhậu nhẹt dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm và bạo hành với chị. Năm 2015 chị T có nộp đơn

xin ly hôn với anh B tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy và tại bản án số 73/2016/HNGĐ- PT ngày 12/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2016/HNGĐ-ST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang để tạo điều kiện cho vợ chồng chị có thời gian suy nghĩ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng đến nay anh B vẫn không thay đổi thái độ và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2016 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: có hai con chung tên Phan Thị Diễm K sinh ngày 04/5/2010, Phan Văn Minh N, sinh ngày 22/2/2013. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con trưởng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 30/11/2017 bị đơn Phan Văn B trình bày: Anh và chị T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân xã NH, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay tranh cãi. Anh và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: có hai con chung tên Phan Thị Diễm K sinh ngày 04/5/2010, Phan Văn Minh N, sinh ngày 22/2/2013. Nếu ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Văn Minh N, đồng ý giao cháu Phan Thị Diễm K cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở vì mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; Về con chung: giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Diễm K là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Văn Minh N, vì từ khi anh chị sống ly thân anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N vẫn đảm bảo tốt quyền lợi mọi mặt cho cháu; Về cấp dưỡng nuôi con do chị T và anh B không có yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Phan Văn B vắng mặt nhưng có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[2] Xét thấy, chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn B chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện C, tỉnh T, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh B thường xuyên uống rượu dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm và bạo hành với chị. Nay chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh B không đồng ý. Chị T đã nộp đơn ly hôn và được Tòa án giải quyết tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đã hơn một năm tình cảm giữa anh chị không có khả năng hàn gắn nên chị tiếp tục xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị T và anh B có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ đầu năm 2016. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phan Thị Diễm K sinh ngày 04/5/2010 và đồng ý giao cháu Phan Văn Minh N, sinh ngày 22/2/2013 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai anh B trình bày nếu ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N, đồng ý giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, cháu N từ khi chị T và anh B sống ly thân, anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu vẫn phát triển tốt và ổn định cuộc sống, do đó để tránh xáo trộn cuộc sống cháu N nên cần giữ nguyên môi trường sống hiện tại của cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2017 cháu Diễm K có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung giữa chị T và anh B đối với cháu K và N vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu và phù hợp với qui định tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh B không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, không có.

[5] Án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Thị Diễm K, sinh ngày 04/5/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con. Giao con chung Phan Văn Minh N, sinh ngày 22/2/2013 cho anh Phan Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do chị T, anh B không ai yêu cầu.

Chị T, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 14870 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị đã nộp xong.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với anh B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã NH, huyện C;
- Dương sự;
- Lưu.

Trịnh Phan Minh Trâm

